

Số: 1572/ĐHQG-KHCN  
V/v thông báo đề xuất nhiệm vụ  
đặt hàng thuộc Chương trình  
Tây Nam Bộ năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Kính gửi:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

ĐEN	Số: 1225
	Ngày: 24/8/2014
	Chuyên: G.H. P. Q.L.N.C.

- Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- UBND các tỉnh và thành phố thuộc Tây Nam Bộ;
- Viện nghiên cứu, Trường Đại học thuộc Tây Nam Bộ.

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam được Chính phủ giao nhiệm vụ tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu thuộc Chương trình Tây Nam Bộ tại Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17 tháng 7 năm 2013.

Để triển khai kế hoạch 2015 của Chương trình Tây Nam Bộ, trong năm 2014 Văn phòng Chương trình sẽ tiến hành xác định nhiệm vụ KH&CN đặt hàng. Căn cứ pháp lý thực hiện hoạt động này là Thông tư 07/2014/TT-BKHCN về Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Theo thông tư trên, việc đặt hàng cần đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ cho các ngành, địa phương. Các nhiệm vụ này do các bộ, ngành và địa phương đề xuất.

ĐHQG-HCM trân trọng kính gửi đến Quý cơ quan thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng thuộc Chương trình trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2014-2019 “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” năm 2015.

Để các nhiệm vụ đặt hàng mang tính thiết thực và khả thi, ĐHQG-HCM kính đề nghị Quý cơ quan đề xuất nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo Quyết định số 734/QĐ-BKHCN

ngày 14/8/2014 và phù hợp định hướng, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ban, ngành và địa phương.

Quý cơ quan vui lòng đề xuất nhiệm vụ theo mẫu đính kèm và gửi về Ban Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM, khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức; số điện thoại 0837.242.160, số nội bộ: 1363 và qua thư điện tử: [khen@vnuhcm.edu.vn](mailto:khen@vnuhcm.edu.vn) trước ngày 15 tháng 9 năm 2014.

ĐHQG-HCM kính mong Quý cơ quan quan tâm và phối hợp thực hiện.

ĐHQG-HCM trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng CT Tây Nam Bộ;
- Sở KH&CN các tỉnh Tây Nam Bộ;
- Lưu: VT, Ban KH&CN.

**Đính kèm:**

- Quyết định số 734;
- Phiếu đề xuất nhiệm vụ.

**GIÁM ĐỐC  
ĐỒNG CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH**



**Phan Thanh Bình**

Tên Cơ quan: (ghi rõ tên Bộ, ngành,  
UBND tỉnh, thành phố...)

**DANH MỤC TỔNG HỢP  
CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG  
THỰC HIỆN NĂM 2015**

TT	Tên vấn đề khoa học và công nghệ	Lĩnh vực	Lý do đề xuất	Dự kiến kết quả

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

*Ghi chú:* Kèm theo Bảng tổng hợp này là Phiếu đề xuất các vấn đề, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần được giải quyết ở cấp nhà nước năm 2015 của các tổ chức và cá nhân tại Biểu A1-ĐXXNV, B1-DXĐH, B2-ĐXDH, B3-ĐXDH, B4-ĐXDH.

## PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN*):
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...*):
5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
6. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
7. Dự kiến hiệu quả mang lại:
8. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..)
9. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KH&CN):
  - 9.1 Xuất xứ hình thành:  
*(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KH&CN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.  
Nếu là dự án KH&CN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
  - 9.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: *(Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)*

..., ngày ... tháng... năm 20...

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Dùng cho đề tài KH&CN hoặc đề án khoa học)

1. Tên nhiệm vụ KHCHN:
2. Lý do đề xuất: *(Tình cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động to lớn và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...)*  
*Lưu ý:*
  - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ
  - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)
3. Mục tiêu:
4. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:
6. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
7. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

**PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20....

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Dùng cho dự án SXTN)*

1. Tên dự án SXTN:
2. Xuất xứ của Dự án SXTN *(Từ một trong các nguồn sau: Kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài v.v...)*
3. Lý do đề xuất *(Tình cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; nhu cầu của sản xuất đời sống và khả năng ứng dụng rộng rãi v.v...)*

*Lưu ý:*

- Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ;

- Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn).

4. Mục tiêu:
5. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
6. Nhu cầu thị trường *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)*
7. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
9. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

**PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**  
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)

1. Tên dự án dự án khoa học và công nghệ (KH&CN):
  
2. Xuất xứ hình thành: *(Nêu rõ nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
  
3. Lý do đề xuất: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia quan trọng, Mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương v.v...)*  
*Lưu ý:*
  - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ;
  - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)
  
4. Mục tiêu:
  
5. Nội dung KHCN chủ yếu *(Mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một hoặc một số đề tài, dự án SXTN)*
  
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
  
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
  
8. Yêu cầu về mặt thời gian thực hiện:
  
9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
  
10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

11. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

12. Dự kiến hiệu quả của Dự án KH&CN :

12.1 Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(Cần làm rõ đóng góp của Dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*

12.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(Tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết có phương án sử dụng các kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành.

**PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**

*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*



**TÊN BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
*(Dùng cho chương trình KH&CN)*

1. Tên chương trình KH&CN:
  
2. Căn cứ đề xuất chương trình *(Nêu rõ căn cứ pháp lý về định hướng phát triển ngành lĩnh vực, định hướng phát triển KH&CN trung và dài hạn và định hướng ưu tiên)*
  
3. Cơ sở khoa học và thực tiễn đối với việc xây dựng chương trình KH&CN: *(Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia/quan trọng, Mức độ tác động đến phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương v.v..)*  
*Lưu ý:*
  - Nếu là đề xuất đặt hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, nhà nước cần trích dẫn đầy đủ;
  - Nếu đặt hàng từ nguồn đề xuất của các tổ chức cá nhân cần tóm tắt ngắn gọn)
  
4. Mục tiêu:
  
5. Nội dung KHCN chủ yếu:
  
6. Kết quả dự kiến của chương trình:
  
7. Các chỉ tiêu cần đạt của chương trình:

8. Thời gian và kế hoạch dự kiến thực hiện:

9. Đề xuất tổ chức, cơ quan chủ trì triển khai thực hiện chương trình:

10. Năng lực của tổ chức, cơ quan tổ chức thực hiện chương trình:

11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

12. Dự kiến tác động của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khoa học và công nghệ trong ngành và lĩnh vực:

Bộ (ngành và địa phương)..... cam kết phối hợp thực hiện và có phương án sử dụng các kết quả của chương trình.

**PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO BỘ (NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**

*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 8 trang giấy khổ A4.*

Số: 734 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm  
của Chương trình KH&CN cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019  
"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu của giai đoạn 2011 - 2015;

Theo Công văn số 5798/VPCP-KGVX ngày 17/7/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước (nay là cấp Quốc gia) phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ;

Xét đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của Chương trình khoa học và công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2014 - 2019 "Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ", Mã số: KH-CN-TNB/14-19, gọi tắt là "Chương trình Tây Nam Bộ" (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Ban Chủ nhiệm Chương trình Tây Nam Bộ; các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính; Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2,
- Lưu: VT, XHTN.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Quân**

## Phụ lục



### MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN SẢN PHẨM CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2014 - 2019

"Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ"  
(Mã số: KH-CN-TNB/14-19)

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-KHCN ngày 18 tháng 4 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

#### I. Mục tiêu

##### *1.1. Mục tiêu tổng quát*

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược, chính sách; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN); triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển bền vững, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, có tính đến bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

##### *1.2. Các mục tiêu cụ thể*

(1) Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Đề xuất các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

(3) Triển khai có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ đã được xác định trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ)\*.

\* Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 đã nêu "Tập trung nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hoá nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp các giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long".

## **II. Các nội dung nghiên cứu chính**

### **II.1. Nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoạch định và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Đánh giá tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nam Bộ trong 30 năm đổi mới và phát triển; Nghiên cứu đề xuất quan điểm, mô hình, định hướng và hệ giải pháp cho phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ và các tỉnh trong vùng; Dự báo bối cảnh mới trong nước và quốc tế và tác động đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá các chương trình, dự án KH&CN từ năm 1986 đến nay phục vụ phát triển vùng Tây Nam Bộ, việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, việc triển khai các quy hoạch và giải pháp ở vùng Tây Nam Bộ về thể chế kinh tế thị trường, về kết cấu hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNH, HĐH.

- Nghiên cứu đánh giá toàn diện thực trạng cơ cấu kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh và chuyển đổi sinh kế của các địa phương trong vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá mức độ ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế của vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững.

- Nghiên cứu đánh giá các vấn đề cơ bản về quốc phòng và an ninh trong mối tương quan với các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, và môi trường.

- Xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, đề xuất khung và phân thảo mô hình phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **II.2. Nghiên cứu các giải pháp KH&CN liên ngành để thúc đẩy liên kết nội vùng và liên kết vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**

- Nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học xây dựng cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ, đảm bảo tính liên kết giữa các lĩnh vực, liên kết vùng, liên kết giữa các chủ thể xã hội và khả năng hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu tổng thể hiệu ứng các công trình phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Triển khai một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo, kinh tế với văn hóa, hình thành các chuỗi giá trị hướng vào khai thác các lợi thế của vùng Tây Nam Bộ.

- Xây dựng và chuyển giao cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Xây dựng các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **II.3. Triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn như sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp; cung cấp giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, giải quyết đồng bộ các vấn đề liên quan đến vận chuyển, bảo quản, chế biến, dịch vụ tư vấn, tiếp thị quảng cáo, xây dựng thương hiệu, xuất khẩu... cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu: Nông - lâm - ngư nghiệp, y - dược, công nghiệp chế biến, xử lý và bảo vệ môi trường cho vùng Tây Nam Bộ.

- Triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản và đa dạng hóa các mặt hàng nông - lâm - thủy sản, góp phần xây dựng các thương hiệu mạnh cho các sản phẩm xuất khẩu của vùng Tây Nam Bộ.

- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến và phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, năng lượng gió đi đôi với đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

## **III. Các kết quả, sản phẩm KH&CN chủ yếu**

### **III.1. Báo cáo, kiến nghị về luận cứ khoa học**

- Báo cáo tổng kết, đánh giá thực tiễn 30 năm phát triển kinh tế xã-hội vùng Tây Nam Bộ, luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, mô hình, hệ giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo luận cứ khoa học, quan điểm, định hướng, giải pháp phát triển các ngành kinh tế chủ lực, sản phẩm mũi nhọn vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực, hội nhập quốc tế, phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng.

- Báo cáo luận cứ khoa học cho việc quy hoạch tổng thể vùng phục vụ PTBV vùng Tây Nam Bộ theo hướng tăng cường liên kết vùng và khu vực.

- Kiến nghị về cơ chế, thể chế hợp tác, hệ thống chính sách tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng trên cơ sở phát huy lợi thế cạnh tranh của mỗi tỉnh và toàn vùng.

- Bộ chỉ số về phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp, các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế phù hợp với bộ chỉ tiêu của quốc gia, mang đặc thù của vùng Tây Nam Bộ, gắn với hội nhập quốc tế.

### **III.2. Các giải pháp KH&CN liên ngành, cơ sở dữ liệu**

- Giải pháp KH&CN nâng cao giá trị các mặt hàng nông - lâm - thủy sản chế biến.

- Giải pháp KH&CN phòng chống xói lở - bồi tụ cửa sông, ven biển; bảo tồn và phát triển các vùng ngập mặn ven bờ, khu dự trữ sinh quyển, phục vụ phát triển kinh tế bền vững cho vùng Tây Nam Bộ, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Cơ sở dữ liệu tài nguyên thiên nhiên môi trường, kinh tế - xã hội cho vùng Tây Nam Bộ bằng các phần mềm tiên tiến, dễ truy cập. Các bộ Atlas điện tử phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo các cấp. Cơ sở hạ tầng thông tin, đào tạo nguồn nhân lực quản lý khoa học và cơ chế cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý lãnh thổ.

### **III.3. Mô hình triển khai các giải pháp KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ**

- Mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất các ngành và sản phẩm phù hợp với đặc thù và thế mạnh của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng có hiệu quả các giải pháp KH&CN phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học vào một số lĩnh vực chủ yếu của vùng Tây Nam Bộ.



- Mô hình triển khai có hiệu quả công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền tự động đồng bộ trong chế biến, bảo quản các mặt hàng nông - lâm - thủy sản cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình ứng dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho vùng Tây Nam Bộ.

- Mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, giáo dục và đào tạo cho vùng Tây Nam Bộ.

---